

Bản án số: 99/2026/DS - PT

Ngày: 10-4-2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
bảo hiểm*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Long

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hà Nam

Ông Trần Hoài Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thiên Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:** Bà Lương Thị Chung -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 453/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 95/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2026, và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 134/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1969. Địa chỉ: **Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng)**. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Đào Mạnh H**, sinh năm 1981 (Theo giấy ủy quyền ngày 05/11/2024). Địa chỉ liên hệ: **Số A V, phường A (nay là phường A), thành phố Đà Nẵng**. Ông **Đào Mạnh H** có mặt.

2. **Bị đơn:** **Tổng Công ty Cổ phần B** (sau đây gọi tắt là **Tổng công ty B**). Trụ sở: **Số A Đ, phường Đ, Quận A (nay là số A Đ, phường T), thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T1** – Chức vụ: Giám đốc **Ban H4** và bà **Hoàng Lê Hồng T2** – Chức vụ: Phó giám đốc Ban pháp chế (Theo giấy ủy quyền số 276/2024/UQ-TGD ngày 28/10/2024). Địa chỉ: **A Đ, phường Đ, Quận A (nay là số A Đ, phường T), Thành phố Hồ Chí Minh**. Ông **Nguyễn Thanh T1** và bà **Hoàng Lê Hồng T2** có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Hoàng Văn M** – là Luật sư thuộc **đoàn luật sư thành phố H**. Địa chỉ: **Số E P, Phường B, quận B** (nay là **05 P, phường G**), **Thành phố Hồ Chí Minh**. Ông **Hoàng Văn M** có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ **Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam**. Địa chỉ: **Số I P, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam** (nay là **số I P, phường B, thành phố Đà Nẵng**). Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Tiên T3** - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Huỳnh Thị T4** - Chức vụ: Phó giám đốc (Theo giấy ủy quyền ngày 04/11/2024). Địa chỉ: **Số I P, phường B, thành phố Đà Nẵng**. Bà **Huỳnh Thị T4** có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho **Quỹ đầu tư phát triển Q2**: Ông **Trương Ngọc Á** – là Luật sư số thẻ: 7793/LS thuộc **đoàn luật sư thành phố Đ**. Địa chỉ: **Số A L, phường H, thành phố Đà Nẵng**. Ông **Trương Ngọc Á** có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ **Công ty TNHH G**. Trụ sở tại: **P, tầng B, Tòa nhà T, số C L, Ngõ Q** (nay là **Phòng 14, tầng B, Tòa nhà T, số C L, phường N**), **thành phố Hải Phòng**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Đăng S**, sinh năm 1981 – Chức vụ: Trưởng ban Nghiệp vụ (Theo giấy ủy quyền số 003/2025/UQ/GĐ ngày 05/5/2025). Địa chỉ: **P, tầng B, Tòa nhà T, số C L, N, thành phố Hải Phòng**. Ông **Hoàng Đăng S** có mặt.

+ Bà **Trần Thị L** - sinh năm 1968. Địa chỉ: **Thôn H, xã T, thành phố Đà Nẵng**. Bà **Trần Thị L** vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Ông **Hồ Quang H1**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **Xã C, thành phố Đà Nẵng**; địa chỉ liên hệ: **Công ty B – Lô A khu dân cư B, phường B, thành phố Đà Nẵng**. Ông **H1** có mặt.

5. *Do có kháng cáo của bị đơn:* **Tổng Công ty Cổ phần B**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Huỳnh Thanh T** và đại diện theo ủy quyền ông **Đào Mạnh H** thống nhất trình bày:*

Ông **Huỳnh Thanh T** là chủ sở hữu tàu cá mang số hiệu QNa-90187-TS theo Giấy chứng nhận tàu cá số: 164/24/HD-1024/07/PTK ngày 17 tháng 01 năm 2024 của **Chi cục thủy sản Q3**.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, ông **T** có mua bảo hiểm của **Tổng Công ty Cổ phần B** cho tàu đánh cá mang số hiệu 159/24/HD-0102/07C- PTK theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số: 164/24/HD-1024/07/PTK ngày 17 tháng 01 năm 2024 với giá trị trách nhiệm bảo hiểm thân tàu là 2.210.000.000 đồng. Thời hạn bảo hiểm từ 0 giờ 00 phút ngày 06 tháng 02 năm 2024 đến 24 giờ 00 phút ngày 05 tháng 02 năm 2025. Khi mua bảo hiểm thì ông **T** không được nhân viên phụ trách bán bảo hiểm giải thích về quyền lợi của người mua bảo hiểm cũng như các quy tắc loại trừ bảo hiểm, nhưng vì cần vốn vay để đóng tàu, ông **T** đã ký vào hợp đồng bảo hiểm.

Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 22 tháng 3 năm 2024, ông **Huỳnh Thanh T** cùng với 03 thuyền viên xuất bến tại **trạm K, Quảng Nam** (cũ) để di chuyển ra khu vực **Biển Đ, Việt Nam** để khai thác thủy sản nghề lưới rê.

Lúc 14 giờ 00 phút ngày 23/03/2024, sau khi ra khỏi cửa **Kỳ H2**, máy trưởng **Trần Văn T5** vì lý do chủ tàu giảm chi phí chuyến đi và thuyền viên **Đỗ Trung N** vì lý do sức khỏe đã lên tàu khác vào bờ.

Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 23/03/2024, tàu đến ngư trường đánh bắt. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 01/04/2024, tàu ở tọa độ (16 24 N, 110 29 E), thuyền trưởng cho tàu di chuyển theo hướng 180 bắt ngờ có sóng lớn vỗ vào tàu.

Lúc này, gió Đông Nam khoảng cấp 6, thuyền trưởng cho thuyền viên **Trần Như L1** cầm lái, thuyền trưởng đi kiểm tra, phát hiện nước vào mạn trái ở gần khoang mũi có vết thủng dài, kích thước (dài x rộng) = (50x2) cm, thuyền trưởng đã dùng bơm do máy chính lái để hút nước ra ngoài, quan sát phía trước thuyền viên thấy ánh điện của tàu khác cách khoảng 03 hải lý nên đã di chuyển đến gần phòng ngừa tàu bị sự cố nặng, đồng thời thuyền trưởng dùng máy bấm nút “SOS” và gọi điện về nhà gặp con trai **Huỳnh Thanh V** báo cho cơ quan Biên phòng hỗ trợ.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 02/4/2024, tàu cá QNa-90187-TS tại tọa độ (16 24 395 N, 110 29 323 E). Thuyền viên quăng dây cố định tàu, cùng lúc đó thuyền viên tàu QB-91449- TS đã đem 02 bơm hút khô 220V và 01 bơm hút 24V (Ắc quy) để hút nước trong tàu QNa- 90187-TS, các thuyền viên đã dùng nệm để nệm lại vết thủng, lúc này nước vào tàu đã ngập khoảng 50 cm, nước càng lúc càng nhanh, mạnh, các thuyền viên vẫn dùng bơm hút nước ra ngoài, nhưng không thành công. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, lúc này nước đã ngập 2/3 tàu, thuyền trưởng cùng các thuyền viên hai tàu thấy không thể cứu tàu và để đảm bảo an toàn đã rời qua tàu QB-91449-TS và tháo dây để đảm bảo an toàn cho tàu QB-91449-TS. Tàu QB-91449-TS tiếp tục đi đánh bắt, trước lúc rời đi, quan sát thấy tàu QNa-90187-TS đã gần chìm.

Vào lúc 13 giờ 00 phút ngày 02/4/2024, tàu QB-91449-TS gặp tàu Đà Nẵng không nhớ số hiệu đã chở thuyền viên tàu QNa-90187-TS qua để di chuyển vào bờ, tàu QB-91449-TS tiếp tục đi đánh bắt thủy sản.

Vào lúc 12 giờ 00 phút ngày 03/4/2024, tàu vào neo ở mũi **S, thành phố Đà Nẵng**, thuyền viên gọi đò vào đất liền và bắt xe về gia đình.

Ngày 03/4/2024, ông **Huỳnh Thanh T** đã thông báo cho **Tổng Công ty Cổ phần B** để yêu cầu chi trả tiền bảo hiểm đối với tàu cá QNa-90187-TS theo như thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, **Tổng Công ty Cổ phần B** từ chối chi trả tiền bảo hiểm vì sự kiện chìm tàu cá QNa-90187-TS không thuộc trường hợp được bảo hiểm do định biên thuyền viên không đủ người và văn bằng chứng chỉ chuyên môn của Thuyền trưởng và Thuyền viên không phù hợp.

Ông **T** cho rằng lý do của **Công ty B** đưa ra là không có cơ sở, vì sự cố xảy ra do thời tiết xấu bất thường là nguyên nhân bất khả kháng trực tiếp gây nên thiệt hại tài sản. Thời điểm tàu đánh bắt tại tọa độ 16°24'N, 110°29'E có sóng lớn và gió Đông Nam mạnh đập vào mạn trái gần khoang mũi tàu gây ra vết thủng dài kích thước dài 50cm x rộng 2cm, khiến nước tràn vào tàu nhanh chóng. Ngay khi phát

hiện sự cố, không để mặc cho thiệt hại xảy ra, ông **T** và thuyền viên đã thực hiện mọi biện pháp để khắc phục sự cố, như nêm vết thủng, bơm hút nước ra ngoài, lái tàu về phía tàu QB-91449-TS để ứng cứu, gọi SOS báo sự cố. Thời điểm xảy ra sự cố lúc 23h30' thì ông **T** đã lái tàu ngay đến vị trí tàu QB-91449-TS cách đó không xa và cập mạn vào tàu mang số hiệu QB-91449-TS lúc 00h30' ngày 02/4/2024, tại tọa độ 16⁰ 24'395''N; 110⁰ 29'323''E; Trong quá trình di chuyển thì ông **T** và thuyền viên vẫn song song thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố như nêm vết thủng, bơm hút nước ra ngoài. Tại thời điểm cập được vào tàu QB-91449-TS, nước trong khoang cũng chỉ 50cm là không nhiều so với thời điểm phát hiện ban đầu. Ngay khi cập mạn vào tàu QB-91449-TS thì các thuyền viên trên tàu QB-91449-TS đã quăng dây cố định tàu, tất cả thuyền viên 02 tàu đã cùng nhau hiệp lực để ứng cứu như mang 02 bình hút khô 220v và 01 bơm hút 24v từ tàu QB-91449-TS qua để hút nước tàu ông **T** ra ngoài, đồng thời tiếp tục dùng nêm để nêm lại chỗ vết thủng. Như vậy, số lượng nhân sự lúc này rất đông để thực hiện đồng thời các biện pháp ứng cứu. Tuy vậy vẫn không thành công mà nước vào ngày càng nhanh và mạnh do sóng vỗ liên tục ngày một lớn vào mạn thuyền. Ông **T** có Chứng chỉ thuyền trưởng hạng IV cấp ngày 23/6/2015, theo qui định tại Điều 45 Thông tư số 22/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của **Bộ N1** qui định Chứng chỉ hạng IV của ông **T** sẽ được phiên thành chứng chỉ hạng I. Mặc khác, theo kết luận của **Công ty TNHH G** thì Tàu cá QNa-90187-TS vỡ ván vỏ khi đang khai thác thủy sản trong điều kiện được phép hoạt động theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá kết hợp với công tác xử lý chống thủng của thuyền viên không hiệu quả dẫn đến chìm tàu tại tọa độ (tọa độ (16 24 395 N, 110 29 323 E) chứ không thuộc các lý do như bị đơn đưa ra.

Vì vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông **Huỳnh Thanh T** đề nghị HĐXX buộc **Tổng Công ty Cổ phần B** chi trả cho ông số tiền 1.768.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/5/2025 đến ngày 27/9/2025 với mức lãi suất 10%/năm: 1.768.000.000 đồng x 504 ngày x 10%/năm = 247.520.000 đồng

Yêu cầu chuyển thanh toán 1.768.000.000 đồng tiền bồi thường bảo hiểm sự cố rủi ro tàu nêu trên trực tiếp vào tài khoản số 5620699723 của **Quỹ Đầu tư phát triển Q2**, mở tại **Ngân hàng TMCP Đ**, **Chi nhánh Q4** để trả nợ vay theo Hợp đồng cho vay tài chính số 04/2021/HĐCVTC-QĐT ngày 16/6/2021 đã được ký kết giữa ông **T** và **Quỹ đầu tư phát triển Q2**. Đối với số tiền lãi đề nghị chuyển cho ông **Huỳnh Thanh T** vì hiện nay ông và bà **Trần Thị L** đã ly hôn.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và đại diện bị đơn thống nhất trình bày:*

Ngày 17/01/2024, **Tổng công ty Cổ phần B - Công ty B** ký hợp đồng bảo hiểm tàu cá số: 159/24/HD-0102/07-PTK với ông **Huỳnh Thanh T** và Bên thụ hưởng là Quỹ đầu tư phát triển Quảng Nam. **Công ty B** bảo hiểm cho tàu cá QNa-90187-TS.

Công ty B đồng ý bảo hiểm thân tàu theo “Điều kiện A” – “Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá” (Ban hành kèm theo Quyết định số: 3916/2019/QĐ-TGD ngày 08/11/2019 của Tổng giám đốc **Tổng Công ty Cổ phần B**).

Bảo hiểm tai nạn thuyền viên theo “Quy tắc bảo hiểm tai nạn thuyền viên” kèm theo Quyết định số: 1252/2012/BHBL-QĐ-TGD-HH ngày 20.7.2012 của Tổng giám đốc **Tổng công ty Cổ phần B**.

Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 164/24/HD-1024/07-PTK thuộc hợp đồng 159/24/HD-0102/07-PTK bao gồm các thông tin:

- Người được bảo hiểm: **Huỳnh Thanh T**.
- Tên tàu: QNa-90187-TS
- Năm đóng: 2021, Quảng Nam (cũ).
- Loại tàu: đánh cá
- Phạm vi hoạt động: theo quy định của cơ quan đăng kiểm.
- Thời hạn bảo hiểm: từ 00 giờ 00 ngày 06/02/2024 đến 24 giờ 00 ngày 05/02/2025.
- Giá trị thân tàu: 2.210.000.000 đồng.
- Giá trị tham gia: 1.768.000.000 đồng
- Người thụ hưởng: **Quỹ đầu tư phát triển Q2**.
 - Diễn biến nguyên nhân sự kiện bảo hiểm theo thông báo của khách hàng.
 - Ngày 03/4/2024 **Tổng công ty B** nhận được thông báo tổn thất của ông **T**.
 - Ngày 04/4/2024 **Tổng công ty B** đã thuê giám định độc lập là **Công ty TNHH G** thực hiện giám định, đánh giá mức độ tổn thất.

Tổng công ty B xét thấy: Ngày 23/3/2024, tàu "QNa-90187-TS" xuất bến tại **Trạm kiểm soát Biên phòng K, Quảng Nam** di chuyển ra khu vực **Biển Đ, Việt Nam** để khai thác thủy sản nghề lưới rê. Nguyên đơn để máy trưởng **Trần Văn T5** và thuyền viên **Đỗ Trung N** về bờ mà không có phương án bố trí Máy trưởng với thuyền viên thay thế để vận hành trang thiết bị máy móc trong quá trình khai thác hải sản, dẫn đến tình trạng tàu không có Máy trưởng và thiếu thuyền viên, vi phạm nghiêm trọng quy định pháp luật về duy trì điều kiện khai thác thủy sản và về đảm bảo định biên an toàn tối thiểu.

Ông **T** đã vi phạm bao gồm:

Khoản 4 Điều 73 Luật Thủy sản về chủ tàu có nghĩa vụ "Bố trí thuyền viên theo định biên an toàn tối thiểu của tàu cá theo quy định của Bộ trưởng **Bộ N1**".

Điểm a khoản 2 Điều 52 Luật Thủy sản về việc tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản có nghĩa vụ về duy trì điều kiện “Thuyền trưởng, máy trưởng phải có văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ trưởng **Bộ N1** và Phát triển nông thôn” tại khoản 2 Điều 50 của Luật này.

Điều 3 Thông tư 22/2018/TT-BNNPTNT (có sửa đổi bổ sung), “định biên thuyền viên” là số lượng thuyền viên tối thiểu theo các chức danh được bố trí phù hợp trên tàu để vận hành đảm bảo an toàn.

Điều 7 Thông tư 22/2018/TT-BNNPTNT (có sửa đổi bổ sung), máy trưởng trực tiếp phụ trách và chịu trách nhiệm về kỹ thuật của toàn bộ hệ thống động lực của tàu; có nhiệm vụ bảo đảm an toàn kỹ thuật trong việc sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa máy và các hệ thống, thiết bị do các bộ phận khác quản lý như: máy neo, phần cơ của máy lái, máy cầu, hệ thống tời.

Điều 8 Thông tư 22/2018/TT-BNNPTNT (có sửa đổi bổ sung), thợ máy phụ trách máy chính, máy phát điện, hệ thống trục chân vịt (bao gồm cả bộ L3 hợp, bộ G1), máy nén khí, hệ thống nén khí, nén gió, buồng máy tiện, trang bị cứu hỏa và chống thủng, hệ thống lái và cơ cấu truyền động.

Điều 10 và 11 Thông tư 22/2018/TT-BNNPTNT (có sửa đổi bổ sung), đối với tàu cá nhóm II có chiều dài từ 15m đến dưới 24m định biên tối thiểu phải gồm 04 người: 01 Thuyền trưởng, 01 Máy trưởng, 01 Thợ máy và 01 Thủy thủ, (tàu QNa-90187-TS có kích thước lớn nhất 16,50 mét thuộc nhóm II).

Căn cứ quy định trên, có thể khẳng định rằng chủ tàu có nghĩa vụ phải bố trí đầy đủ định biên theo đúng quy định, việc đảm bảo định biên không chỉ để tuân thủ quy định pháp luật mà còn nhằm bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản trên biển.

Việc Nguyên đơn để Máy trưởng và thuyền viên rời tàu mà không có người thay thế đã khiến tàu QNa-90187-TS không đáp ứng được định biên tối thiểu. Đây không chỉ là sự thiếu sót về nhân sự, mà còn là hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo đảm an toàn và vi phạm quy định pháp luật.

Vấn đề định biên thuyền viên còn liên quan trực tiếp đến trách nhiệm bảo hiểm. Theo Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá (ban hành kèm theo Quyết định số 3916/2019/QĐ-TGD của Tổng Giám đốc B), quy định loại trừ trách nhiệm trong trường hợp không đảm bảo định biên thuyền viên cụ thể:

Điều 1.2 Hợp đồng bảo hiểm quy định Tổng công ty B đồng ý bảo hiểm với điều kiện tàu phải đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định Luật Thủy sản.

Điều 2 Hợp đồng bảo hiểm quy định điều khoản, điều kiện bảo hiểm.

Ông Huỳnh Thanh T là thuyền trưởng tàu cá hạng IV từ năm 2015 (theo Chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng tư số 0026707 do trường Đại học N2 cấp ngày 23/06/2015 với số vào sổ 0029375 ngày 24/06/2015 - nay quy đổi tương đương chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng I theo Điều 45 Thông tư 22/2018/TT-BNNPTNT). Đồng thời, riêng đối với tàu cá QNa-90187-TS, tham gia bảo hiểm tại B từ năm 2022 thì đây là Hợp đồng tái tục năm thứ ba mà ông thực hiện tại B.

Căn cứ theo các quy định trên, mặc dù có sự kiện bảo hiểm xảy ra, tuy nhiên ông Huỳnh Thanh T với kinh nghiệm thuyền trưởng lâu năm, trong quá trình vận hành tàu cá QNa-90187-TS đã vi phạm quy định Luật Thủy sản và không bố trí đủ định biên tối thiểu theo quy định pháp luật. Theo đó, ông T đã vi phạm điều kiện cơ bản trong Hợp đồng bảo hiểm và thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Như vậy, sự cố chìm tàu QNa-90187- TS xảy ra ngày 01/4/2024 thuộc điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Quy tắc bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số: 164/24/HD-1024/07-PTK.

Đánh giá phạm vi trách nhiệm bảo hiểm: Tàu cá QNa-90187-TS tham gia bảo hiểm thân tàu cá theo Giấy chứng nhận tàu cá số 164/24/HD-1024-PTK ngày 17/01/2024 giữa Công ty B và ông Huỳnh Thanh T theo điều kiện A “Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá ban hành kèm theo Quyết định số: 3916/2019/QĐ-TGD ngày 08/11/2019”, sau đây gọi tắt là “Quy tắc bảo hiểm”.

Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế tại hiện trường và các hồ sơ, tài liệu thu thập được trong quá trình giám định đối chiếu với “Quy tắc bảo hiểm” tại điểm 5.1.7, khoản 5.1, Điều 5, loại trừ bảo hiểm, **Tổng công ty B** đánh giá phạm vi, trách nhiệm bảo hiểm của vụ tổn thất này như sau:

Điều 5. Loại trừ bảo hiểm.

5.1 Trong mọi trường hợp, **Tổng công ty B** không chịu trách nhiệm bồi thường trong các trường sau đây:

5.1.7 Bố trí thuyền viên không đủ định biên theo quy định khi đưa tàu vào hoạt động;

Như vậy, sự cố chìm tàu QNa- 90187-TS xảy ra ngày 01/4/2024 thuộc điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Quy tắc bảo hiểm theo giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số: 164/24/HD-1024-PTK. Vì vậy, **Tổng công ty B** không có trách nhiệm bồi thường vụ chìm tàu cá QNa-90187-TS xảy ra ngày 01/4/2024 nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho **Quỹ đầu tư phát triển Q2** - ông **Trương Ngọc Á** và người đại diện theo ủy quyền của **Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam** là bà **Huỳnh Thị T4** thống nhất trình bày:*

Triển khai hoạt động cho vay từ nguồn vốn nhận ủy thác Quỹ hỗ trợ ngư dân tỉnh Quảng Nam để thực hiện hỗ trợ tăng thêm nguồn lực tài chính nhằm phát triển năng lực tàu cá khai thác thủy sản hoạt động tại các vùng khơi theo phương thức tín dụng ưu đãi (cho vay có hoàn lại toàn bộ vốn gốc với lãi suất bằng không, phí quản lý 2%/năm/dư nợ vay) cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ, nhóm hộ, tổ đoàn kết của ngư dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (cũ) để đóng mới tàu khai thác thủy sản.

Quỹ Đầu tư phát triển Q2 đã thực hiện cho vay tài chính đối với hộ ông **Huỳnh Thanh T** theo Hợp đồng cho vay tài chính số 04/2021/HĐCVTC-QĐT ngày 16/6/2021, với số tiền giải ngân cho vay là 1.700.000.000 đồng.

Để đảm bảo an toàn, quản trị rủi ro trong quá trình tham gia khai thác thủy sản trên biển và theo quy định tại Quy chế cho vay của **Quỹ Đầu tư phát triển Q2**, ông **Huỳnh Thanh T** đã thực hiện mua bảo hiểm tàu cá số hiệu QNa-90187-TS (đây là tàu cá được hình thành từ nguồn vốn vay của **Quỹ Đầu tư phát triển Q2**), **cảng đăng ký A, huyện N, tỉnh Quảng Nam** (cũ) tại Hợp đồng bảo hiểm 03 bên gồm có ông **Huỳnh Thanh T**, **Tổng Công ty cổ phần B – Công ty B** và **Quỹ Đầu tư phát triển Q2** (Đính kèm theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá dài hạn và cam kết chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm số: 246/23/HD-0102/07-PTK ngày 03/02/2023 và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 164/24/HD-1024/07-PTK ngày 17/01/2024).

Ngày 01/4/2024, tàu cá của ông **Huỳnh Thanh T** gặp sự cố khi đang khai thác thủy sản, dẫn đến tàu bị chìm. Sau sự cố ông **Huỳnh Thanh T** đã gửi đơn xem xét bồi thường bảo hiểm đến **Công ty B** cùng các bên liên quan để tiến hành giám định và giải quyết bồi thường bảo hiểm. Tuy nhiên, sau nhiều lần làm việc các bên không đi đến kết luận cuối cùng về việc giải quyết bồi thường bảo hiểm và **Công ty B** đã có Công văn số 118/2024/CV-BLĐN ngày 30/8/2024 thông báo đến các bên về sự cố nêu trên chưa đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm bảo hiểm của **Tổng công ty B**.

Vậy, Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam với vai trò là bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất theo nội dung khởi kiện của ông **Huỳnh Thanh T**, yêu cầu Tòa án buộc **Tổng Công ty Cổ phần B** trả số tiền bảo hiểm là 1.768.000.000 đồng trực tiếp vào tài khoản số 5620699723 của **Quỹ Đầu tư phát triển Q2** mở tại **Ngân hàng TMCP Đ**, **Chi nhánh Q4** (cũ) để trả nợ vay theo Hợp đồng cho vay tài chính số 04/2021/HĐCVTC-QĐT ngày 16/6/2021 đã ký kết giữa **Q1** và ông **Huỳnh Thanh T**.

* **Công ty TNHH G** vắng mặt, nhưng quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền là ông **Hoàng Đăng S** trình bày:

Toàn bộ các nội dung liên quan đến quá trình thực hiện vụ giám định sự cố tàu cá Qna 90187- TS đã được đề cập trong hồ sơ giám định phát hành ngày 08/8/2024. Cụ thể:

- Tàu cá QNa-90187-TS vỡ ván vỏ khi đang khai thác thủy sản trong điều kiện được phép hoạt động theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá kết hợp với công tác xử lý chống thủng của thuyền viên không hiệu quả dẫn đến chìm tàu tại tọa độ (tọa độ (16 24 395 N, 110 29 323 E)

Về phía đơn vị giám định không có ý kiến gì thêm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không có căn cứ pháp lý. Đề nghị Tòa án xử lý theo quy định pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Trần Thị L** không có bản tự khai nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bà **L** tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 không có lý do

* Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 453/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 40, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 117, 385, 398, 401, 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22 và 31 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Thanh T** về việc “Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm” với **Tổng Công ty Cổ phần B**.

- Buộc **Tổng Công ty Cổ phần B** phải trả tiền bảo hiểm cho ông **Huỳnh Thanh T** số tiền 2.015.520.000 đồng, trong đó tiền bảo hiểm do tổn thất toàn bộ của tàu cá mang số hiệu QNa-90187-TS là 1.768.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của tiền bảo hiểm tính từ ngày 03/5/2024 đến ngày 27/9/2025 là 247.520.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ và phương thức thi hành án dân sự của các bên đương sự.

* Ngày 06 tháng 10 năm 2025, bị đơn – **Tổng Công ty Cổ phần B** có đơn kháng cáo với nội dung như sau: Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng đầy đủ và chính xác các quy định của pháp luật cũng như các điều khoản loại trừ trách nhiệm

được quy định trong Hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá, dẫn đến tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp và không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của **Tổng Công ty B**; cho rằng tàu QNa-90187-TS vi phạm Luật Thủy sản và không bố trí định biên theo quy định của pháp luật đã vi phạm nguyên tắc chung của Hợp đồng bảo hiểm và thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số: 453/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng theo hướng: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn **Tổng Công ty B** giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông **Đào Mạnh H** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn; các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Tổng Công ty B**, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn là đảm bảo về thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận thụ lý giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, ông **Huỳnh Thanh T** ký Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số 159/24/HD-0102/07-PTK với **Tổng Công ty Cổ phần B – Công ty B**, đối với tàu cá QNa-90187-TS theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 164/24/HD-1024/07-PTK, phạm vi bảo hiểm: Thân tàu cá và bảo hiểm tai nạn thuyền viên; thời hạn bảo hiểm từ 00 giờ 00 phút ngày 06/02/2024 đến 24 giờ ngày 05/02/2025, giá trị thân tàu 2.210.000.000 đồng, giá trị tham gia bảo hiểm 1.768.000.000 đồng, người thụ hưởng: Quỹ đầu tư phát triển Quảng Nam.

Trong thời hạn bảo hiểm, khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 02/4/2024 xảy ra sự cố chìm tàu QNa-90187-TS khi đang khai thác đánh bắt cá tại khu vực **Biển Đ**. Theo kết luận của **Công ty G** thì nguyên nhân do tàu cá QNa-90187-TS vỡ ván vỏ khi đang khai thác thủy sản trong điều kiện được phép hoạt động theo giấy chứng nhận

an toàn kỹ thuật tàu cá kết hợp với công tác xử lý chống thủng của thuyền viên không hiệu quả dẫn đến chìm tàu tại tọa độ (16 24 395 N, 110 29 323 E).

Ngày 03/4/2024, ông **Huỳnh Thanh T** thông báo yêu cầu **Công ty B** chi trả tiền bảo hiểm; ngày 30/8/2024, **Công ty B** ban hành Công văn số 118/2024/CV-BLĐN về việc từ chối chi trả tiền bảo hiểm do tại thời điểm xảy ra sự việc, tàu cá QNa-90187-TS bố trí thuyền viên không đủ định biên theo quy định khi đưa tàu vào hoạt động, văn bằng chứng chỉ chuyên môn của thuyền trưởng không phù hợp, cho rằng sự cố chìm tàu thuộc điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Quy tắc bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 453/2025/DSST ngày 27/9/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đã xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **T** buộc **Công ty B** phải trả tiền bảo hiểm và tiền lãi chậm trả tiền bảo hiểm tính từ ngày 03/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2025; xác định người thụ hưởng tiền bảo hiểm là **Quỹ đầu tư phát triển Q2** (cũ). Không đồng ý với với quyết định của bản án sơ thẩm **Công ty B** kháng cáo đề nghị: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **T** với lý do nêu trên.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn **Tổng Công ty Cổ phần B**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số 159/24/HD-0102/07-PTK theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 164/24/HD-1024/07-PTKĐ ngày 17/01/2024 giữa ông **Huỳnh Thanh T** với **Tổng Công ty Cổ phần B – Công ty B**, đối với tàu cá QNa-90187-TS là thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự và không thuộc các trường hợp Hợp đồng vô hiệu theo quy định của Bộ luật dân sự nói chung và quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm nói riêng; do đó có giá trị pháp lý và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

[3.2] Sự cố chìm tàu xảy ra vào ngày 02/4/2024 là đang nằm trong thời hạn bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm.

[3.3] Về sự kiện bảo hiểm và nguyên nhân xảy ra sự kiện bảo hiểm: Sự cố chìm tàu đã được các bên và **Công ty G** xác định: Tàu cá QNa-90187-TS vỡ ván vỏ khi đang khai thác thủy sản trong điều kiện được phép hoạt động theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá kết hợp với công tác xử lý chống thủng của thuyền viên không hiệu quả dẫn đến chìm tàu; kết luận giám định cũng đã xác định: Không có ghi nhận nào về việc va chạm với tàu, vật thể khác trước và khi xảy ra tình trạng nước vào tàu hoặc do lỗi cố ý của thuyền viên trên tàu. Như vậy, nguyên nhân dẫn đến sự cố chìm tàu là do khách quan thiên nhiên, thời tiết chứ không phải do chủ quan, hay lỗi của con người; là rủi ro ngẫu nhiên, bất ngờ không lường trước được theo khoản 5 Điều 16 Luật kinh doanh bảo hiểm; thực tế khi xảy ra sự cố thì thuyền viên trên tàu cũng đã phối hợp với thuyền viên tàu QB-9144-TS khắc phục sự cố bằng cách dùng 02 bơm hút khô 220V và 01 bơm hút 24V (chạy bằng Ắc quy) để hút nước trong tàu QNa-90187-TS và các thuyền viên đã cố gắng dùng nệm để nệm lại vết thủng nhưng do vết thủng/vỡ lớn nước vào nhanh mạnh nhiều nên việc khắc phục không thành công và buộc phải rời tàu để đảm bảo tính mạng của thuyền viên; sự cố tàu chìm mất xác nên được coi là tổn thất toàn bộ; sự kiện

bảo hiểm xảy ra thuộc trường hợp được bảo hiểm theo quy định, thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm và theo quy định của pháp luật.

Việc Công ty B cho rằng sự cố chìm tàu là do ông Huỳnh Thanh T vi phạm quy định của Luật thủy sản như: Không bố trí đầy đủ thuyền viên/định biên trên tàu theo quy định, để máy trưởng và thuyền viên rời tàu mà không có người thay thế, bằng cấp thuyền trưởng tàu cá của ông T không phù hợp và căn cứ vào mục 5.1.7 Điều 5 của Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá...được ban hành kèm theo Quyết định số 3916/QĐ-TGD ngày 08/11/2019 của Tổng giám đốc Công ty B quy định về các trường hợp loại trừ bảo hiểm như sau: *Bố trí thuyền viên không đủ định biên theo quy định khi đưa tàu cá vào hoạt động* và cho rằng đây là nguyên nhân chính dẫn đến sự cố chìm tàu và do thiếu định biên trên tàu nên công tác xử lý chống thủng của thuyền viên không hiệu quả dẫn đến chìm tàu để từ chối thanh toán tiền bảo hiểm là không phù hợp, bởi lẽ nguyên nhân sự cố đã được xác định là do khách quan thiên nhiên, thời tiết chứ không phải do lỗi của con người, việc thiếu hay đầy đủ định biên cũng không phải là nguyên nhân dẫn đến sự cố cụ thể trên; việc máy trưởng và thuyền viên rời tàu là ngoài mong muốn của ông T; thực tế khi xảy ra sự cố thì các thuyền viên trên tàu đã phối hợp với nhiều thuyền viên trên tàu QB - 91449 - TS ứng cứu nhưng không thành công.

Ngoài ra, Công ty B còn cho rằng ông Huỳnh Thanh T chỉ là thuyền trưởng tàu cá hạng IV từ năm 2015 theo Chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng tư số 0026707 do trường Đại Học N2 cấp ngày 23/6/2015 với số tàu 0029375 ngày 24/6/2015 nên bằng cấp thuyền trưởng của ông T là không phù hợp; tuy nhiên căn cứ theo Điều 45 Thông tư số 22/2018/TT-BNGPTNT ngày 15/11/2018 thì bằng cấp của ông T đã được quy đổi tương đương chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng I, như vậy Văn bằng chứng chỉ chuyên môn của ông T là phù hợp.

[3.4] Mặt khác, xét Hợp đồng bảo hiểm giữa các bên là Hợp đồng song vụ, theo mẫu, bên mua bảo hiểm là người dân/ngư dân có trình độ văn hóa không cao thường được coi là bên yếu thế; căn cứ Điều 404, và Điều 405 Bộ luật Dân sự quy định: *Hợp đồng theo mẫu phải được công khai để bên được đề nghị biết hoặc phải biết về những nội dung của Hợp đồng; Trường hợp bên soạn thảo hợp đồng đưa và Hợp đồng nội dung bất lợi cho bên kia thì khi giải thích hợp đồng phải theo hướng có lợi cho bên kia.* Tại khoản 2 Điều 19 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: *Trường hợp có điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp B1 phải quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm, phải giải thích rõ ràng, đầy đủ và phải có bằng chứng xác nhận bên mua bảo hiểm đã được giải thích đầy đủ và hiểu rõ nội dung này khi giao kết hợp đồng bảo hiểm.* Tuy nhiên, trong thực tế điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đã không được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm số 159/24/HD-0102/07-PTK mà lại được quy định tại Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá...được ban hành kèm theo Quyết định số 3916/QĐ-TGD ngày 08/11/2019 của Tổng giám đốc Công ty B là không đúng quy định của pháp luật; và Công ty B cũng không đưa ra được bằng chứng xác thực, xác nhận bên mua bảo hiểm đã được giải thích đầy đủ và hiểu rõ về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm khi giao kết hợp đồng bảo hiểm; Công ty B cho rằng ông T đã được nhân viên bán bảo hiểm của Công ty là ông Hồ Quang H1 giải thích và ông H1 khai với T6 đã giải thích

cho ông **T** khoảng 30 phút và ông **T** đã đồng ý ký vào Hợp đồng, nhưng ông **T** khai với **T6** đã không được giải thích đầy đủ và hiểu rõ các nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, và vì việc ký hợp đồng bảo hiểm là để đủ điều kiện vay vốn tại **Quỹ đầu tư phát triển Q2** nên mặc dù chưa được giải thích đầy đủ mà theo đề nghị của nhân viên tư vấn bên bán bảo hiểm ông đã ký vào hợp đồng; do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định doanh nghiệp bảo hiểm là bên có lỗi trong việc giao kết, cung ứng dịch vụ bảo hiểm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn **Công ty B** phải chi trả số tiền bảo hiểm 1.768.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.5] Về yêu cầu trả tiền lãi chậm trả của tiền bảo hiểm: Theo quy định tại Điều 31 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 thì khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, **doanh nghiệp B1** phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo thời hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm; Tại khoản 9.5 Điều 9 Hợp đồng bảo hiểm các bên thỏa thuận thời hạn bồi thường, trả tiền bảo hiểm tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố chìm tàu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc **Công ty B2** phải chịu lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, từ ngày 03/5/2024 đến ngày xét xử ngày 27/9/2025 là 504 ngày x 1.768.000.000 đồng x 10% = 247.520.000 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.6] Về người thụ hưởng tiền bảo hiểm: Đây là thỏa thuận hợp pháp theo Hợp đồng bảo hiểm giữa các bên; quá trình giải quyết vụ án các bên không có tranh chấp về điều khoản này; Tòa án cấp sơ thẩm buộc **Công ty B** chuyển trả số tiền được bảo hiểm cho **Quỹ đầu tư phát triển Q2** và chuyển trả số tiền lãi chậm trả trên số tiền được bảo hiểm cho ông **Huỳnh Thanh T** là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và ý kiến tranh luận của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa; không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn **Tổng Công ty Cổ phần B**; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn/Tổng **Công ty Cổ phần B**; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 453/2025/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

II. Căn cứ các Điều 26, 35, 40, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 117, 385, 398, 401, 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22 và 31 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Thanh T** về việc “Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm” với **Tổng Công ty Cổ phần B**.

Buộc **Tổng Công ty Cổ phần B** phải trả tiền bảo hiểm cho ông **Huỳnh Thanh T** số tiền 2.015.520.000 đồng, trong đó tiền bảo hiểm do tổn thất toàn bộ của tàu cá mang số hiệu QNa-90187-TS là 1.768.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu đồng) và tiền lãi chậm trả của tiền bảo hiểm tính từ ngày 03/5/2024 đến ngày 27/9/2025 là 247.520.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó:

- Số tiền 1.768.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm sáu mươi tám triệu đồng) **Tổng Công ty cổ phần B** phải chuyển vào tài khoản số 5620699723 của **Quỹ Đầu tư phát triển Q2**, mở tại **Ngân hàng TMCP Đ**, **Chi nhánh Q4** để trả nợ vay theo Hợp đồng cho vay tài chính số 04/2021/HĐCVTC-QĐT ngày 16/6/2021 đã được ký kết giữa ông **T** và **Quỹ đầu tư phát triển Q2**.

- Số tiền lãi chậm trả trên số tiền được bảo hiểm là 247.520.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng) **Tổng Công ty cổ phần B** phải trả trực tiếp cho ông **Huỳnh Thanh T**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông **Huỳnh Thanh T** có đơn yêu cầu thi hành án mà **Tổng Công ty Cổ phần B** không trả khoản tiền trên thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

III. Về án phí :

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 73.310.400 đồng (bảy mươi ba triệu, ba trăm mười nghìn bốn trăm đồng).

H3 lại cho ông **Huỳnh Thanh T** số tiền tạm ứng án phí 32.807.730 đồng (Ba mươi hai triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, bảy trăm ba mươi đồng) theo biên lai thu số 0004440 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, thành phố Đà Nẵng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0003065 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

V. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đà Nẵng;
- TAND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Minh Long